

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 328 /SYT-NV

Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2020

V/v báo cáo tình hình thực hiện
kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc
danh mục đấu thầu tập trung
thuốc quốc gia, danh mục đàm
phán giá Quý IV/2019

Kính gửi:

- Giám đốc các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Thủ trưởng các cơ sở y tế trực thuộc Trung ương, Ngành trên địa bàn tỉnh;
- Giám đốc các Bệnh viện, PKĐK tư nhân trên địa bàn tỉnh.
(Sau đây gọi tắt là các cơ sở y tế)

Sở Y tế nhận được Công văn số 24/TTMS-NVD ngày 21/01/2020 của Trung tâm mua sắm tập trung thuốc Quốc gia – Bộ Y tế (Trung tâm MSTTQG) về việc báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung thuốc quốc gia, danh mục đàm phán giá Quý IV/2019. Theo đó, tỉ lệ thực hiện kết quả trúng thầu tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh chỉ đạt 32% so với giá trị trúng thầu được phân bổ.

Theo ý kiến của Trung tâm MSTTQG, Sở Y tế đề nghị Giám đốc các cơ sở y tế có văn bản giải thích lý do về việc không đảm bảo thực hiện theo hợp đồng đã ký kết và theo quy định tại Thông tư 11/2016/TT-BYT gửi về Sở Y tế trước ngày 05/02/2020 để tổng hợp báo cáo Trung tâm MSTTQG.

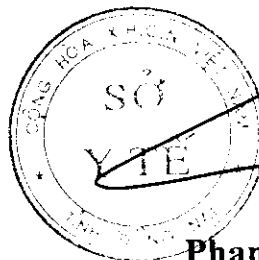
Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị báo cáo kịp thời về Sở Y tế (ĐT: 0251.3840654, Email todauthausytdn@gmail.com)./.

(Kèm theo Công văn số 24/TTMS-NVD ngày 21/01/2020 của Trung tâm mua sắm tập trung thuốc Quốc gia – Bộ Y tế)

Nơi nhận:

- Như trên (thực hiện);
- BGĐ SYT (để biết);
- Website SYT Đồng Nai;
- BHXH tỉnh (phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: VT, NV, BMT.

GIÁM ĐỐC 



Phan Huy Anh Vũ

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Số: 24 /TTMS-NVD

V/v báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung thuốc quốc gia Quý IV/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2019

Kính gửi:

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Y tế các Bộ/ngành;
- Các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Các Công ty được lựa chọn trúng thầu

I. Tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc đến 30/9/2019:

Theo chế độ báo cáo, đến ngày 15/01/2020, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm) đã nhận được báo cáo trên phần mềm của các Nhà thầu và các Sở Y tế, cơ Sở Y tế. Trung tâm đã tiến hành tổng hợp và phân tích tình hình thực hiện kết quả đấu thầu tập trung và đàm phán giá.

1. Giá trị thực hiện đến ngày 31/12/2019 theo báo cáo của nhà thầu, cụ thể:

- Các gói thầu cung cấp 05 thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG cho các cơ Sở Y tế năm 2018-2019: thực hiện 70,4% (1.642.386.348.588 VNĐ/2.334.013.982.578 VNĐ);
- Các gói thầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG cho các cơ Sở Y tế năm 2019-2020: thực hiện 23,0% (2.066.395.494.084 VNĐ/ 8.966.692.988.069 VNĐ);
- Các gói thầu cung cấp 4 thuốc thuộc Danh mục Đàm phán giá: thực hiện 19,4% (458.328.389.800 VNĐ/ 2.356.565.664.334 VNĐ).

(Chi tiết tại bảng 1 đính kèm)

2. Kết quả thực hiện đến 31/12/2019 tính theo từng hoạt chất của kết quả đấu thầu tập trung Quốc gia cung cấp thuốc cho các cơ Sở Y tế năm 2018-2019 tại thời điểm hết hiệu lực gói thầu:

- Giá trị thực hiện thuốc Anastrozol 1mg cao nhất 91,8%.
- Giá trị thực hiện thuốc Paclitaxel 100mg thấp nhất 45,5% (đặc biệt Paclitaxel 100mg nhóm 2+5 có tỷ lệ thực hiện chỉ đạt 16,9%).
- Tỷ lệ thực hiện của Docetaxel 80mg, Capecitabin 500mg, Oxaliplatin 100mg lần lượt là 69,0%; 77,5% và 71,1%.
- Tính theo từng nhóm thuốc: Đối với tất cả các hoạt chất, Biệt dược gốc chiếm tỷ lệ thực hiện cao nhất, sau đó đến thuốc generic nhóm 1. Các thuốc generic nhóm 2,3,5 đều có tỷ lệ thực hiện thấp.

(Chi tiết tại bảng 2 đính kèm)

3. Kết quả thực hiện đến 31/12/2019 của các Sở Y tế, Bệnh viện trung ương đối với các gói thầu cung cấp 05 thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG cho các cơ Sở Y tế năm 2018-2019:

- 09 Sở Y tế có tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu đạt từ 80% trở lên: Sở Y tế Tuyên Quang (107,4%, 3.835/3.571 triệu đồng), Sở Y tế Lạng Sơn (99,1%, 656/662 triệu đồng), Sở Y tế Ninh Thuận (98,4%, 235/238 triệu đồng), Sở Y tế Yên Bái (93,5%, 1.998/2.137 triệu đồng), Sở Y tế Đắk Lắk (90,6%, 2.982/3.291 triệu đồng), Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh (89,9%, 533.230/615.323 triệu đồng), Sở Y tế Lào Cai (89,8%, 676/753 triệu đồng), Sở Y tế Khánh Hòa (86,4%, 8.393,5/9.716,5 triệu đồng), Sở Y tế Bắc Ninh (83,9%, 2.920,3/3.482,6 triệu đồng).

- 06 Bệnh viện Trung ương có tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu đạt từ 80% trở lên: Bệnh viện Chợ Rẫy (97,0%, 192.662/198.535,4 triệu đồng), Bệnh viện đa khoa TW Thái Nguyên (95,0%, 1.785,4/1.879,5 triệu đồng), Bệnh viện Đại học Y Hà Nội (94,0%, 34.279,3/36.486,1 triệu đồng), Bệnh viện Hữu Nghị (88,1%, 8.546,1/9.702,7 triệu đồng), Bệnh viện K (86,9%, 233.615,4/268.723,9 triệu đồng), Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển – Uông Bí (85,6%, 4.681,2/5.468,0 triệu đồng).

- Có 50/59 Sở Y tế tỉnh/thành phố và 16/22 Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế không đạt tỉ lệ thực hiện kết quả trúng thầu khi hết hiệu lực gói thầu từ 80% trở lên theo quy định tại Thông tư số 11/2016/TT-BYT.

- Danh sách Sở Y tế tỉnh/thành phố và Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có giá trị phân bổ lớn, tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu dưới 80% (chi tiết tại Bảng 3 đối với các cơ Sở Y tế có tổng giá trị được phân bổ lớn hơn 2 tỷ đồng).

4. Chi tiết kết quả thực hiện tại file báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu tập trung cấp quốc gia kèm theo công văn này được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế tại địa chỉ <http://moh.gov.vn> (tìm kiếm tại “văn bản mới công bố” và chọn cơ quan ban hành: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia).

- Phụ lục 1: Báo cáo Quý IV/2019 chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ Sở Y tế các thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia cung cấp cho các cơ Sở Y tế năm 2018-2019.
- Phụ lục 2: Báo cáo Quý IV/2019 chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ Sở Y tế các thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia cung cấp cho các cơ Sở Y tế năm 2019-2020.
- Phụ lục 3: Báo cáo Quý IV/2019 chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ Sở Y tế các thuốc thuộc danh mục Đàm phán giá.
- Phụ lục 4: Kết quả thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu theo gói thầu.
- Phụ lục 5: Kết quả thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu theo hoạt chất.
- Phụ lục 6: Tổng hợp báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu tập trung các gói thầu cung cấp thuốc cho các cơ Sở Y tế năm 2018-2019 theo giá trị của các Sở Y tế/BVTW.

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Số: 24 /TTMS-NVD

V/v báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung thuốc quốc gia Quý IV/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2019

Kính gửi:

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Y tế các Bộ/ngành;
- Các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Các Công ty được lựa chọn trúng thầu

I. Tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc đến 30/9/2019:

Theo chế độ báo cáo, đến ngày 15/01/2020, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm) đã nhận được báo cáo trên phần mềm của các Nhà thầu và các Sở Y tế, cơ Sở Y tế. Trung tâm đã tiến hành tổng hợp và phân tích tình hình thực hiện kết quả đấu thầu tập trung và đàm phán giá.

1. Giá trị thực hiện đến ngày 31/12/2019 theo báo cáo của nhà thầu, cụ thể:

- Các gói thầu cung cấp 05 thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG cho các cơ Sở Y tế năm 2018-2019: thực hiện 70,4% (1.642.386.348.588 VNĐ/2.334.013.982.578 VNĐ);
- Các gói thầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG cho các cơ Sở Y tế năm 2019-2020: thực hiện 23,0% (2.066.395.494.084 VNĐ/ 8.966.692.988.069 VNĐ);
- Các gói thầu cung cấp 4 thuốc thuộc Danh mục Đàm phán giá: thực hiện 19,4% (458.328.389.800 VNĐ/ 2.356.565.664.334 VNĐ).

(Chi tiết tại bảng 1 đính kèm)

2. Kết quả thực hiện đến 31/12/2019 tính theo từng hoạt chất của kết quả đấu thầu tập trung Quốc gia cung cấp thuốc cho các cơ Sở Y tế năm 2018-2019 tại thời điểm hết hiệu lực gói thầu:

- Giá trị thực hiện thuốc Anastrozol 1mg cao nhất 91,8%.
- Giá trị thực hiện thuốc Paclitaxel 100mg thấp nhất 45,5% (đặc biệt Paclitaxel 100mg nhóm 2+5 có tỷ lệ thực hiện chỉ đạt 16,9%).
- Tỷ lệ thực hiện của Docetaxel 80mg, Capecitabin 500mg, Oxaliplatin 100mg lần lượt là 69,0%; 77,5% và 71,1%.
- Tính theo từng nhóm thuốc: Đối với tất cả các hoạt chất, Biệt dược gốc chiếm tỷ lệ thực hiện cao nhất, sau đó đến thuốc generic nhóm 1. Các thuốc generic nhóm 2,3,5 đều có tỷ lệ thực hiện thấp.

(Chi tiết tại bảng 2 đính kèm)

3. Kết quả thực hiện đến 31/12/2019 của các Sở Y tế, Bệnh viện trung ương đối với các gói thầu cung cấp 05 thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG cho các cơ Sở Y tế năm 2018-2019:

- 09 Sở Y tế có tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu đạt từ 80% trở lên: Sở Y tế Tuyên Quang (107,4%, 3.835/3.571 triệu đồng), Sở Y tế Lạng Sơn (99,1%, 656/662 triệu đồng), Sở Y tế Ninh Thuận (98,4%, 235/238 triệu đồng), Sở Y tế Yên Bái (93,5%, 1.998/2.137 triệu đồng), Sở Y tế Đắk Lắk (90,6%, 2.982/3.291 triệu đồng), Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh (89,9%, 533.230/615.323 triệu đồng), Sở Y tế Lào Cai (89,8%, 676/753 triệu đồng), Sở Y tế Khánh Hòa (86,4%, 8.393,5/9.716,5 triệu đồng), Sở Y tế Bắc Ninh (83,9%, 2.920,3/3.482,6 triệu đồng).

- 06 Bệnh viện Trung ương có tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu đạt từ 80% trở lên: Bệnh viện Chợ Rẫy (97,0%, 192.662/198.535,4 triệu đồng), Bệnh viện đa khoa TW Thái Nguyên (95,0%, 1.785,4/1.879,5 triệu đồng), Bệnh viện Đại học Y Hà Nội (94,0%, 34.279,3/36.486,1 triệu đồng), Bệnh viện Hữu Nghị (88,1%, 8.546,1/9.702,7 triệu đồng), Bệnh viện K (86,9%, 233.615,4/268.723,9 triệu đồng), Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển - Ung Bí (85,6%, 4.681,2/5.468,0 triệu đồng).

- Có 50/59 Sở Y tế tỉnh/thành phố và 16/22 Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế không đạt tỉ lệ thực hiện kết quả trúng thầu khi hết hiệu lực gói thầu từ 80% trở lên theo quy định tại Thông tư số 11/2016/TT-BYT.

- Danh sách Sở Y tế tỉnh/thành phố và Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có giá trị phân bổ lớn, tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu dưới 80% (chi tiết tại Bảng 3 đối với các cơ Sở Y tế có tổng giá trị được phân bổ lớn hơn 2 tỷ đồng).

4. Chi tiết kết quả thực hiện tại file báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu tập trung cấp quốc gia kèm theo công văn này được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế tại địa chỉ <http://moh.gov.vn> (tìm kiếm tại "văn bản mới công bố" và chọn cơ quan ban hành: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia).

- Phụ lục 1: Báo cáo Quý IV/2019 chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ Sở Y tế các thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia cung cấp cho các cơ Sở Y tế năm 2018-2019.
- Phụ lục 2: Báo cáo Quý IV/2019 chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ Sở Y tế các thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia cung cấp cho các cơ Sở Y tế năm 2019-2020.
- Phụ lục 3: Báo cáo Quý IV/2019 chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ Sở Y tế các thuốc thuộc danh mục Đàm phán giá.
- Phụ lục 4: Kết quả thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu theo gói thầu.
- Phụ lục 5: Kết quả thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu theo hoạt chất.
- Phụ lục 6: Tổng hợp báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu tập trung các gói thầu cung cấp thuốc cho các cơ Sở Y tế năm 2018-2019 theo giá trị của các Sở Y tế/BVTW.

Bảng 1: Kết quả thực hiện theo gói thầu

STT	MÃ GÓI THẦU	TÊN GÓI THẦU	GIÁ TRỊ TRÚNG THẦU	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN ĐẾN 30/9/2019	TỶ LỆ THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
Các gói thầu cung cấp 05 thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG cung cấp cho các cơ Sở Y tế năm 2018-2019			2.334.013.982.578	1.642.412.846.388	70,4%	
1	ĐTTT.BDG.01.2017	Cung cấp thuốc biệt dược gốc năm 2017	1.602.455.605.109	1.172.964.450.236	73,2%	8/8 quý
2	ĐTTT.Generic.02.2017	Cung cấp thuốc Generic cho các tỉnh miền Bắc (trừ trung du, miền núi) năm 2017	261.519.537.348	173.214.841.699	66,2%	8/8 quý
3	ĐTTT.Generic.03.2017	Cung cấp thuốc Generic cho các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc năm 2017	33.633.228.349	23.304.818.804	69,3%	8/8 quý
4	ĐTTT.Generic.04.2017	Cung cấp thuốc Generic cho các tỉnh miền Trung năm 2017	110.617.456.324	55.915.599.474	50,5%	8/8 quý
5	ĐTTT.Generic.05.2017	Cung cấp thuốc Generic cho các tỉnh miền Nam năm 2017	325.788.155.448	217.013.136.175	66,6%	8/8 quý
6	ĐTTT.Generic.01.2018	Cung cấp thuốc capecitabin 500mg nhóm 2 cho các cơ Sở Y tế trên toàn quốc	24.922.765.000	12.954.102.000	52,0%	6/8 quý
7	ĐTTT.Generic.08.2018	Cung cấp thuốc nhóm 3 cho các tỉnh miền Bắc	23.102.992.410	8.678.427.360	37,6%	3/4 quý
8	ĐTTT.Generic.09.2018	Cung cấp thuốc nhóm 3 cho các tỉnh miền Trung	18.675.758.310	5.103.918.720	27,3%	3/4 quý
9	ĐTTT.Generic.10.2018	Cung cấp thuốc nhóm 3 cho các tỉnh miền Nam	22.200.455.310	8.199.952.260	36,9%	3/4 quý
Các gói thầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG cung cấp cho các cơ Sở Y tế năm 2019-2020			8.966.692.988.069	2.066.395.494.084	23,0%	
10	ĐTTT.BDG.01.2018	Cung cấp thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2019-2020 cho các cơ Sở Y tế trên toàn quốc	6.711.877.144.610	1.834.558.399.162	19,4%	3/8 quý
11	ĐTTT.generic.02.2018	Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh miền Bắc	970.926.651.858	97.059.757.064	27,3%	2/8 quý
12	ĐTTT.generic.03.2018	Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh miền Trung	174.417.347.387	17.504.871.104	10,0%	2/8 quý
13	ĐTTT.generic.04.2018	Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh miền Nam	823.164.724.307	83.280.432.509	10,0%	2/8 quý
14	ĐTTT.generic.05.2018	Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh miền Bắc	135.874.564.335	11.967.392.696	10,1%	2/8 quý
15	ĐTTT.generic.06.2018	Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh miền Trung	40.424.205.516	6.112.914.459	8,8%	2/8 quý
16	ĐTTT.generic.07.2018	Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh miền Nam	110.008.350.056	15.911.727.090	15,1%	2/8 quý
Đàm phán giá năm 2018			2.356.565.664.334	458.328.389.800	19,4%	
17	ĐPG.BDG.2018	Cung cấp thuốc Biệt dược gốc theo hình thức Đàm phán giá năm 2018	2.356.565.664.334	458.328.389.800	19,4%	4/8 quý

Handwritten signature: Tuấn TOM

Bảng 2: Kết quả thực hiện theo hoạt chất đối với các thuốc thuộc danh mục Đầu thầu tập trung Quốc gia cung cấp cho các cơ Sở Y tế trên toàn quốc năm 2018-2019

STT	TÊN HOẠT CHẤT	NỒNG ĐỘ. HẠM LƯỢNG	NHÓM TCKT	GIÁ TRỊ TRÚNG THẦU	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN ĐẾN 31/12/2019	TỶ LỆ THỰC HIỆN
1	Anastrozol	1mg	Biệt dược	92.392.561.934	88.477.310.488	95,8%
2	Anastrozol	1mg	Nhóm 1 +2	17.863.299.040	14.197.097.040	79,5%
3	Anastrozol	1mg	Nhóm 3 +5	3.916.594.080	2.821.422.240	72,0%
	Anastrozol	1mg		114.172.455.054	104.793.362.128	91,8%
4	Capecitabin	500mg	Biệt dược	500.820.512.074	396.342.683.160	79,1%
5	Capecitabin	500mg	Nhóm 3 +5	37.257.190.906	20.734.197.117	55,7%
6	Capecitabin	500mg	Nhóm 1	374.898.401.130	297.061.323.240	79,2%
7	Capecitapin	500mg	Nhóm 2*	24.922.765.000	12.954.102.000	52,0%
	Capecitapin	500mg		937.898.869.110	727.092.305.517	77,5%
8	Docetaxel	80mg /4ml	Biệt dược	391.527.700.598	289.077.015.093	73,8%
9	Docetaxel	80mg/8ml	Nhóm 1	59.864.314.498	36.651.018.771	61,2%
10	Docetaxel	80mg/4ml	Nhóm 2 + 5	18.102.382.683	5.994.041.823	30,0%
11	Docetaxel	80mg	Nhóm 3 ***	21.094.425.000	7.354.800.000	34,9%
	Docetaxel	80mg		490.588.822.779	338.520.112.326	69,0%
12	Oxaliplatin	100mg/ 20ml	Biệt dược	277.307.245.504	231.208.246.495	83,4%
13	Oxaliplatin	100mg/20ml	Nhóm 1	85.273.435.900	43.564.258.900	51,1%
14	Oxaliplatin	100mg/20ml	Nhóm 2 + 5	28.962.133.200	9.719.509.800	33,6%
15	Oxaliplatin	100mg	Nhóm 3 **	18.111.800.700	6.825.208.950	37,7%
	Oxaliplatin	100mg		409.654.615.304	291.317.224.145	71,1%
16	Paclitaxel	100mg/16.7ml	Biệt dược	340.407.585.000	167.859.195.000	49,3%
17	Paclitaxel	100mg/16.7ml	Nhóm 1	83.124.910.282	34.693.293.846	41,7%
18	Paclitaxel	100mg/17ml	Nhóm 2 + 5	22.295.715.750	3.776.763.375	16,9%
19	Paclitaxel	100mg	Nhóm 3 **	24.772.980.330	7.802.289.390	31,5%
Tổng	Paclitaxel	100mg		470.601.191.362	214.131.541.611	45,5%

* Thuốc được thực hiện bắt đầu từ 1/7/2018 và thực hiện đến 30/6/2020.

** Thuốc được thực hiện bắt đầu từ 01/01/2019 và thực hiện đến 31/12/2019.

*** Thuốc được thực hiện bắt đầu từ 01/07/2019 và thực hiện đến 31/12/2019.

Handwritten signature and initials

Bảng 3: Danh sách Sở Y tế tỉnh/thành phố và Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có giá trị phân bổ lớn. tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu dưới 80% so với giá trị trúng thầu được phân bổ (đối với các gói thầu cung cấp 05 thuốc thuộc Danh mục ĐTTQG cung cấp cho các cơ Sở Y tế năm 2018-2019)

STT	Tên đơn vị	Giá trị trúng thầu + điều tiết	Giá trị thực hiện đến 30/9/2019	Tỷ lệ thực hiện đến 30/9/2019
MIỀN BẮC				
1	Bệnh viện Đại học y Hải Phòng	27.843.423.988	1.215.846.428	4,4%
2	Sở Y tế Cao Bằng	2.645.990.880	283.730.340	10,7%
3	Sở Y tế Hải Phòng	91.265.032.411	16.511.717.989	18,1%
4	Bệnh viện Phụ sản TW	5.154.084.488	888.833.138	17,2%
5	Sở Y tế Nam Định	3.646.401.200	950.649.990	26,1%
6	Sở Y tế Hưng Yên	2.879.870.100	792.141.900	27,5%
7	Sở Y tế Sơn La	3.659.728.000	1.110.529.940	30,3%
8	Bệnh viện Bạch Mai	187.636.925.950	89.686.940.825	47,8%
9	Bệnh viện E	10.735.925.463	4.571.720.914	42,6%
10	Sở Y tế Thái Bình	10.823.973.420	7.242.744.540	66,9%
11	Sở Y tế Hải Dương	7.896.395.020	5.183.617.506	65,6%
12	Sở Y tế Bắc Giang	13.239.569.813	9.324.338.970	70,4%
13	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	19.642.929.946	12.584.518.363	64,1%
14	Sở Y tế Ninh Bình	5.621.796.321	3.778.365.836	67,2%
15	Sở Y tế Vĩnh Phúc	8.364.276.540	5.867.576.400	70,2%
16	Sở Y tế Phú Thọ	6.033.780.557	4.761.157.866	78,9%
17	Sở Y tế Hà Nội	121.943.530.383	94.352.074.440	77,4%
18	Bệnh viện Phổi Trung ương	16.505.450.150	12.279.714.672	74,4%
MIỀN TRUNG				
16	Bệnh viện C Đà Nẵng	41.540.690.216	4.481.057.732	10,8%

17	Bệnh viện đa khoa TW Cần Thơ	10.923.941.040	2.081.850.334	23,0%
18	Sở Y tế Quảng Trị	5.702.300.699	1.477.271.272	25,9%
19	Sở Y tế Quảng Nam	5.706.204.200	1.589.877.230	27,9%
20	Sở Y tế Nghệ An	83.007.651.002	36.434.305.004	43,9%
21	Sở Y tế Đà Nẵng	126.452.603.930	73.880.419.264	58,4%
22	Sở Y tế Thừa Thiên Huế	18.538.050.371	9.824.374.372	53,0%
23	Bệnh viện Trung ương Huế	29.537.682.378	20.456.674.339	69,3%
24	Sở Y tế Bình Định	19.070.739.040	11.427.037.392	59,9%
25	Sở Y tế Thanh Hoá	4.883.434.860	3.383.513.851	69,3%
26	Sở Y tế Hà Tĩnh	7.604.079.900	6.069.801.620	79,8%
MIỀN NAM				
27	Sở Y tế Kiên Giang	5.204.612.240	2.251.259.110	43,3%
28	Sở Y tế Bến Tre	18.634.091.900	1.448.296.340	8,8%
29	Bệnh viện Trường ĐHY Dược Cần Thơ	6.580.445.370	872.222.796	13,3%
30	Sở Y tế Bình Dương	2.070.361.315	779.164.526	37,6%
31	Sở Y tế Đồng Nai	20.721.872.725	4.755.729.328	23,0%
32	Sở Y tế An Giang	2.596.765.176	1.579.349.269	60,8%
33	Sở Y tế Bạc Liêu	4.166.981.880	2.899.427.936	69,6%
34	Bệnh viện đại học Y dược TP HCM	136.469.884.189	79.745.179.123	59,0%
35	Bệnh viện Thống Nhất	26.911.371.272	20.492.649.688	76,1%
36	Sở Y tế Cần Thơ	51.230.435.774	31.428.142.057	61,9%

Handwritten signature and initials